

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24/7/2024

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lụa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Trung

Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 535/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: số A, ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: 075/TH, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre

- **Bị đơn:** Anh Hồ Văn T1, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: số A, ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023 trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh T1 cưới nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã P), huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tôi và mẹ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng anh T1 không đứng ra giải quyết, tôi

có nói với anh T1 để tôi đưa con về nhà mẹ ruột sống một thời gian để giảm căng thẳng với mẹ chồng nhưng từ khi tôi đưa con về nhà mẹ ruột sống đến nay anh T1 không đến thăm nom hay phụ tôi nuôi con mà anh T1 bỏ mặc cho tôi tự giải quyết từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng. Chúng tôi đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T2.

Về con chung: 02 con chung tên là Hồ Thị Kim U, sinh ngày 08/7/2014 và Hồ Thị Kim N, sinh ngày 23/9/2021 hiện các con chung đang sống chung với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Hồ Văn T1 trình bày:

Tôi thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Tôi thừa nhận giữa chị T và mẹ tôi có xảy ra mâu thuẫn và chị T có đem 02 con chung về nhà mẹ ruột của chị T sống từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian này tôi cũng không có đến thăm con hay kêu chị T về vì tôi không có lỗi gì và tôi cũng không cho tiền phụ nuôi con với chị T. Hiện nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hồ Thị Kim U và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu U. Tôi đồng ý giao cháu Hồ Thị Kim N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung: tôi thừa nhận giữa tôi và chị T không có tài sản chung. Về tài sản riêng, trong thời gian chung sống với nhau tôi có đưa cho chị T 107.000.000 đồng tiền bán bò, tuy là việc nuôi bò và bán bò trong thời kỳ hôn nhân giữa tôi và chị T nhưng tôi là người trực tiếp nuôi và bán bò nên đó là tiền riêng của tôi. Tuy nhiên, tôi có nợ chị T 02 chỉ vàng 24k và 1.000.000 đồng, tôi có lấy lại của chị T 10.000.000 đồng để mua thức ăn cho bò. Vì vậy, tôi đồng ý khấu trừ 02 chỉ vàng 24k và 1.000.000 đồng mà tôi còn nợ của chị T và 10.000.000 đồng mà tôi đã lấy nên tôi yêu cầu chị T phải trả lại cho tôi 84.000.000 đồng.

Về nợ chung giữa tôi và chị T không có nợ chung, nhưng trong thời gian chung sống do nhà của tôi làm trại mộc, chị T đã bán 02 cái giường và 10 cái ghế đầu với tổng số tiền là 13.900.000 đồng nhưng chị T không đưa tiền lại cho mẹ tôi là Trần Thị M. Do đó chị T có nợ của mẹ ruột tôi là bà M số tiền 13.900.000 đồng.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 25/3/2024 con chung Hồ Thị Kim U có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ Nguyễn Thị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện

đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Hồ Văn T1. Về con chung: có 02 con chung tên là Hồ Thị Kim U, sinh ngày 08/7/2014 và Hồ Thị Kim N, sinh ngày 23/9/2021, xét chị T có đầy đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn anh T1 và con chung hiện đang sống chung với chị T nên đề nghị để con chung cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã P), huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/3/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể hòa giải, không thể khắc phục những mâu thuẫn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn nên chị B xin ly hôn với anh Q. Mặc dù anh Q cho rằng còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn của anh chị nhiều lần nhưng vẫn không có khả năng hàn gắn chị B vẫn cương quyết ly hôn nên xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xét yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đặng Quốc B1, sinh ngày 10/9/2012. Khi ly hôn, chị B xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị B phù hợp với nguyện vọng của con chung Quốc B1 và anh Q cũng đồng ý nên yêu cầu của chị B về nuôi con là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Đặng Thị Kim B2 phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Hồ Văn T1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hồ Văn T1. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 05/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã P (Nay là xã P), huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Hồ Thị Kim U, sinh ngày 08/7/2014 và cháu Hồ Thị Kim N, sinh ngày 23/9/2021.

Anh Hồ Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.340.000.000 đồng.

Anh Hồ Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000121 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị T đã nộp xong án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh Hồ Văn

T1 phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu